

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/7/2022

***Về việc tranh chấp ly hôn
và nuôi con khi ly hôn***

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Đang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Tuấn

Ông Huỳnh Quốc Khuyên

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 117/2022/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022, về việc: "***Tranh chấp ly hôn và nuôi con***" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 123/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần A – sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh B.

Bị đơn: Anh Trần T – sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện Ph, tỉnh B.

Chị T và anh T vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T xác định chị và anh T sống chung từ năm 2011, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Do anh T không chăm lo kinh tế gia đình, vợ chồng thường hay cãi nhau và đánh nhau, nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ

chồng ly thân, chị T thì về nhà cha, mẹ ruột của chị T sinh sống, còn anh T thì sống tại nhà cha, mẹ ruột anh T. Hiện tại chị T đã không còn tình cảm với anh T, nên yêu cầu ly hôn anh T.

- Về con: Chị T xác định chị và anh T có hai con chung là Th, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2011 và Kh, sinh ngày 09 tháng 6 năm 2013. Hai con đang sống chung chị T tại nhà cha, mẹ ruột chị T.

Chị T yêu cầu được nuôi con chung khi ly hôn và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản và nợ: Chị T xác định chị và anh T không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Lời trình bày của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn:* Anh T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do; Anh T không có đơn đề nghị vắng mặt, cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị T.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ vụ án để Viện kiểm sát nghiên cứu chưa đúng quy định; Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Từ khi tham gia tố tụng đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn T chưa chấp hành đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Cho chị T ly hôn anh T;

+ Về con: Giao cháu Th, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2011 và cháu Kh, sinh ngày 09 tháng 6 năm 2013 cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

Buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Th và cháu Kh mỗi tháng 745.000đ, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi cháu Th và cháu Kh tròn 18 tuổi.

+ Tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét giải quyết;

+ Chị T phải chịu án phí 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên; Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khi chị T yêu cầu ly hôn anh T thì anh T có nơi cư trú tại xã V, huyện Phước Long; Nên Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh T là phù hợp quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

- Chị T xác định chị và anh T nguyên sống chung từ năm 2011, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do đời sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nên chị và anh T đã ly thân nhau từ đầu năm 2019 đến nay. Hiện tại chị T không còn tình cảm với anh T, nên yêu cầu được ly hôn anh T.

- Về phía anh T: Ngay từ khi thụ lý vụ án này, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý và các văn bản triệu tập hợp lệ theo quy định pháp luật, anh T đã biết được chị T yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nhưng anh không đến Tòa án và cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến của anh đối với ý kiến trình bày và yêu cầu của chị T. Điều này chứng tỏ anh T đã không còn yêu thương, không mong muốn cuộc sống chung với chị T và đã bỏ mặc cuộc hôn nhân này, không mong muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị T. Từ đó cho thấy hôn nhân của chị T và anh T đang lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 19 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn anh T.

[4] Về con chung:

- Về quyền trực tiếp nuôi con: Anh T đã biết được việc chị T yêu cầu nuôi hai con chung là cháu Th, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2011 và cháu Kh, sinh ngày 09 tháng 6 năm 2013, nhưng anh T không tranh chấp nuôi con với chị T. Xét xử xét thấy, cháu Th và cháu Kh đã có cuộc sống chung ổn định với chị T, đồng thời các cháu cũng có nguyện vọng được sống chung chị T, để đảm cuộc sống ổn định của các cháu, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Th và cháu Kh cho chị T trực tiếp nuôi. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do chị T được quyền trực tiếp nuôi con khi ly hôn và có yêu cầu anh Tuấn cấp dưỡng nuôi con, còn anh T thì không trực tiếp nuôi con, nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung với mức cấp dưỡng là 745.000đ/cháu/tháng theo phương thức định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi cháu Th và cháu Kh tròn 18 tuổi.

[5] Về tài sản và nợ chung: Chị T xác định chị và anh T không có tài sản chung, không có nợ chung; Anh T không có yêu cầu về tài sản chung và nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp như Hội đồng xét xử phân tích nêu trên, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm:

- Buộc chị T chịu án phí số tiền 300.000đ, chị T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ, chuyển sang thu án phí.

- Buộc anh T phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000đ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 5, 28, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 244, 271, 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, 19, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị T được ly hôn anh T.

2. Về con chung:

- Về quyền trực tiếp nuôi con: Giao cháu Th, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2011 và Kh, sinh ngày 09 tháng 6 năm 2013 cho chị T trực tiếp nuôi. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung là T, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2011 và Kh, sinh ngày 09 tháng 6 năm 2013 với mức cấp dưỡng là 745.000đ/cháu/tháng theo phương thức định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi cháu Th và cháu Kh tròn 18 tuổi.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

- Buộc chị T phải chịu án phí số tiền 300.000đ, chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0005078 ngày 03 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long số tiền 300.000đ, chuyển thu án phí số tiền 300.000đ.

- Buộc anh T phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000đ.

5. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đã ký

Phan Thị Đang